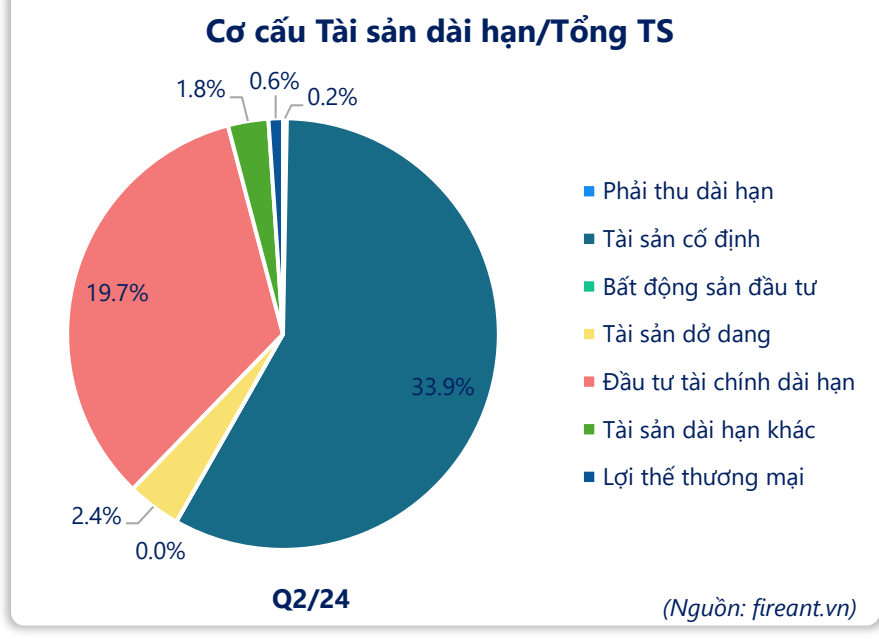
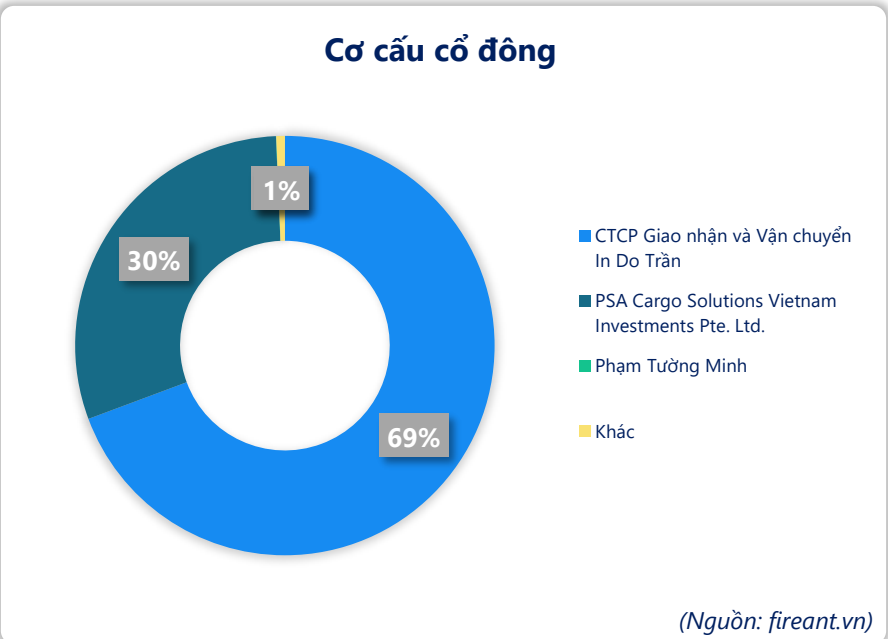
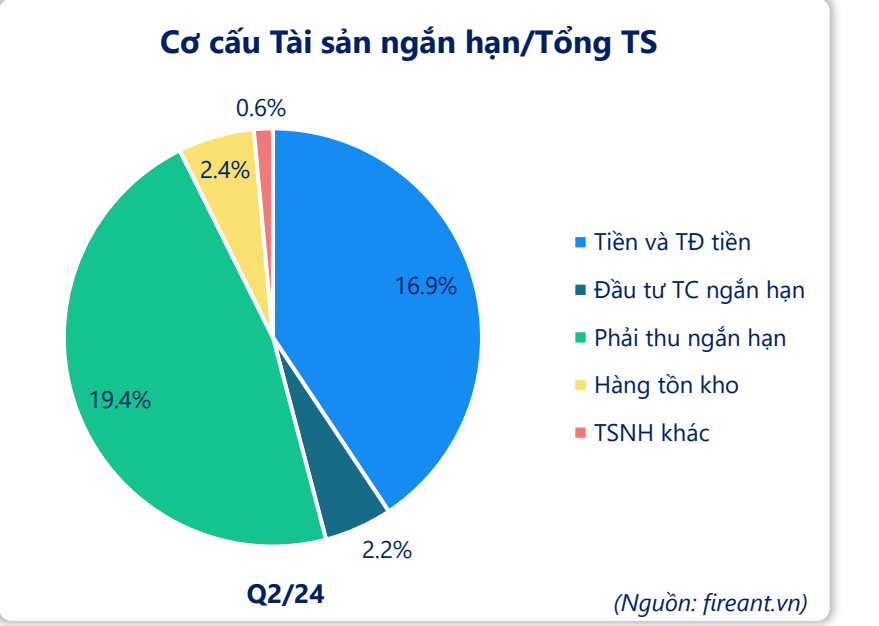
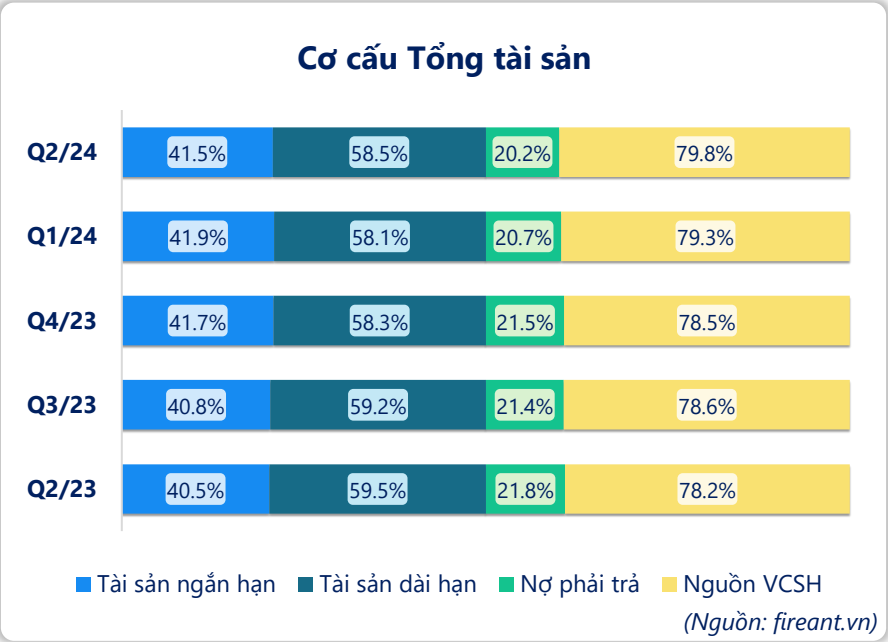
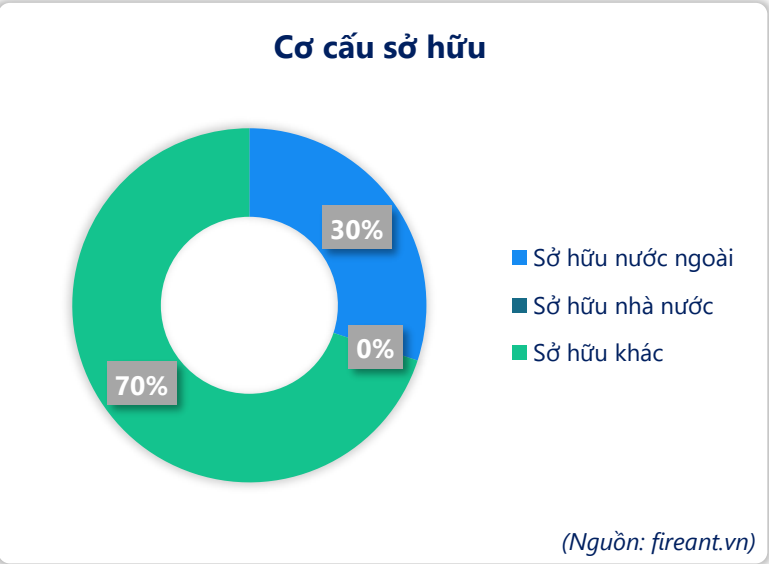
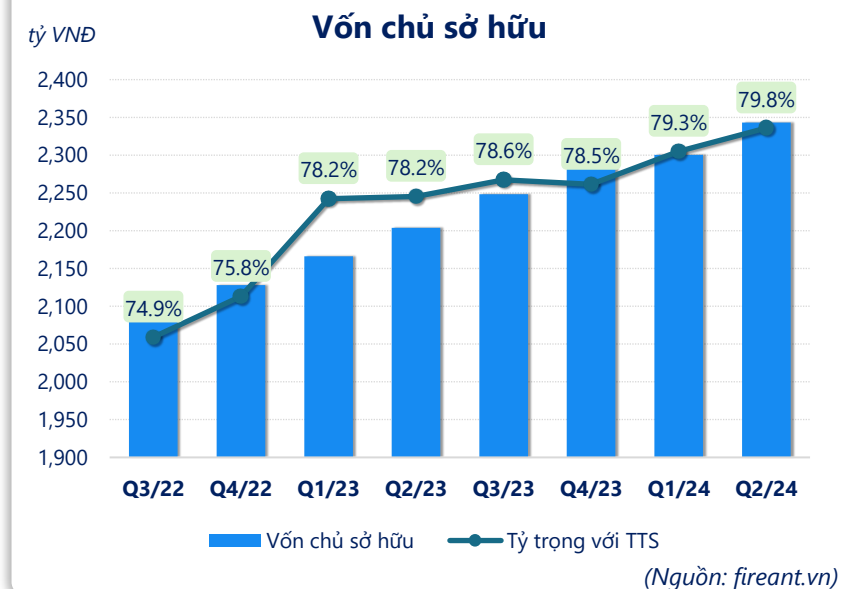
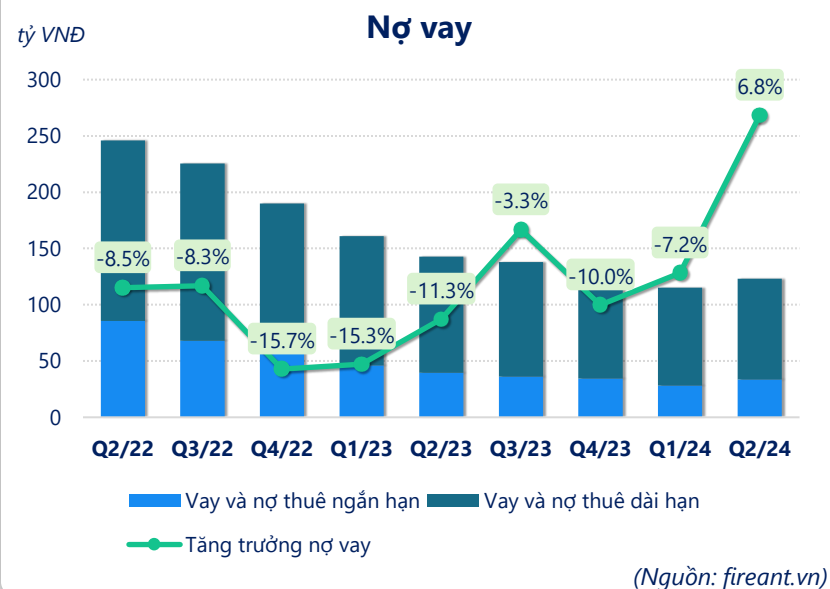
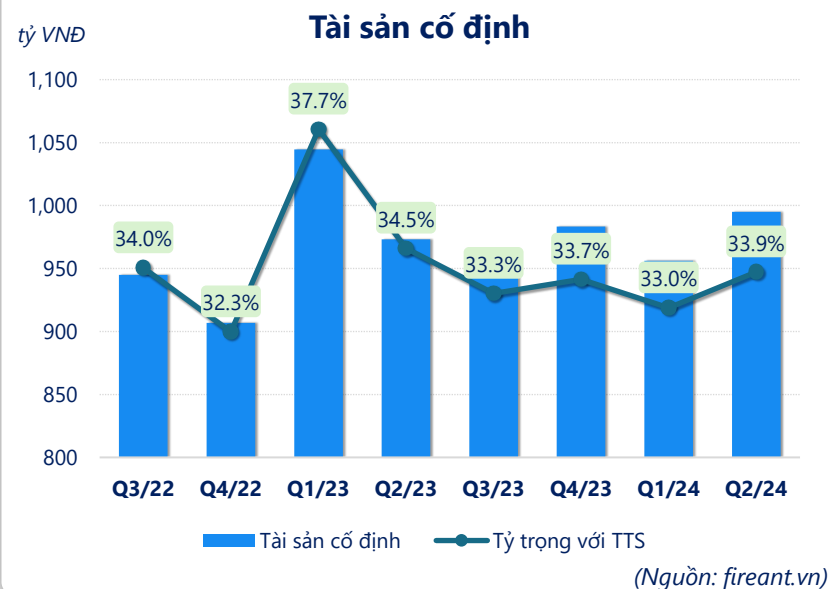
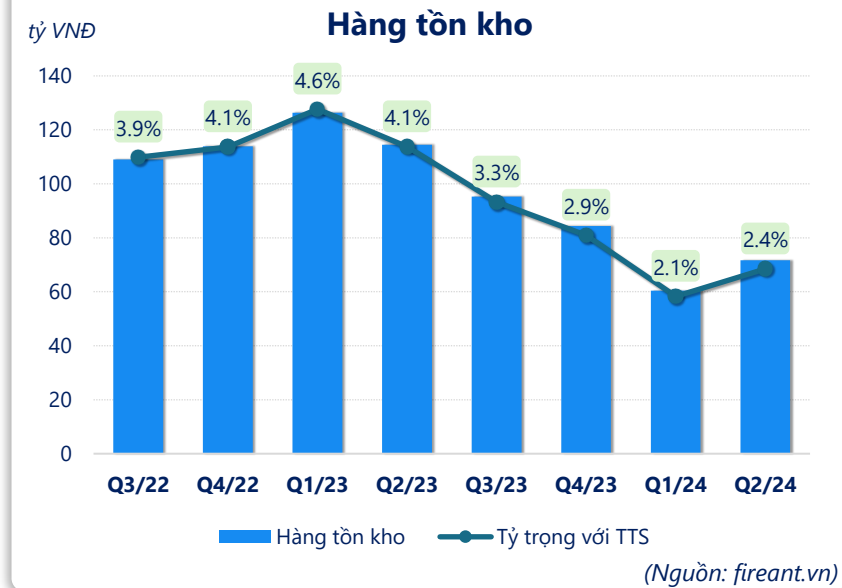
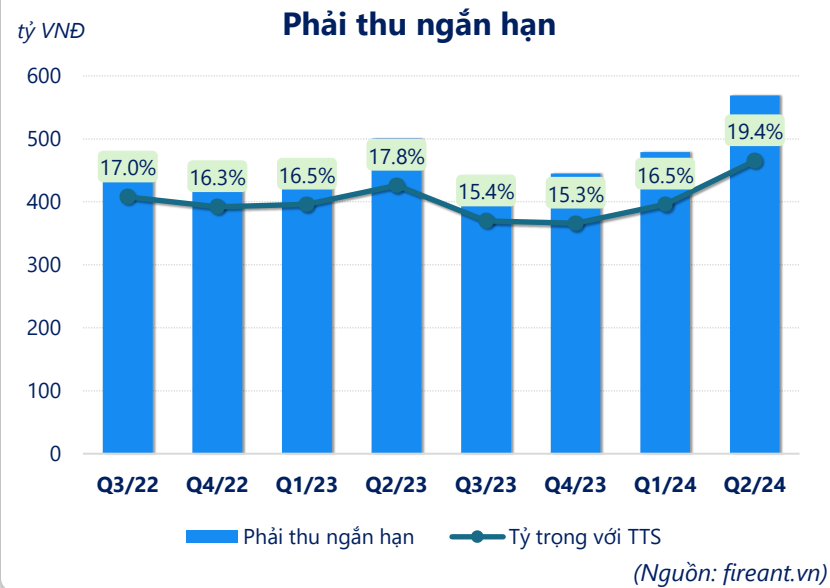
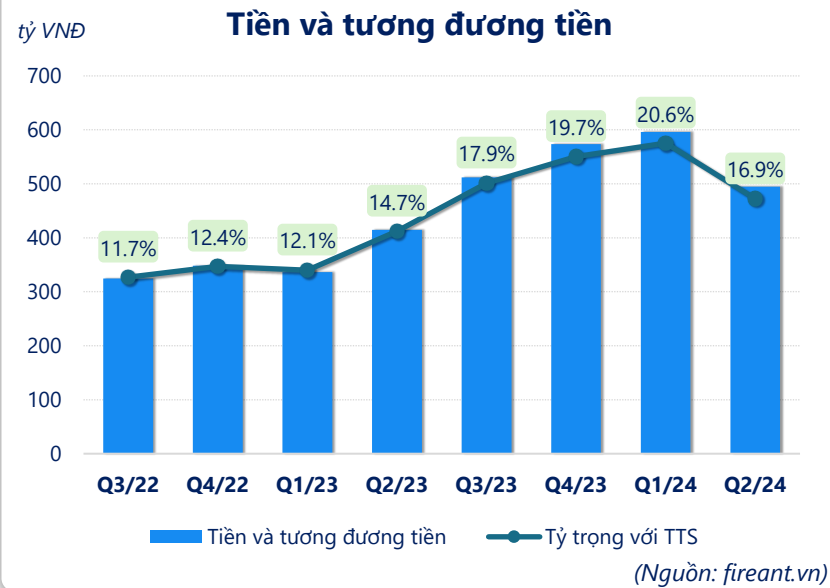
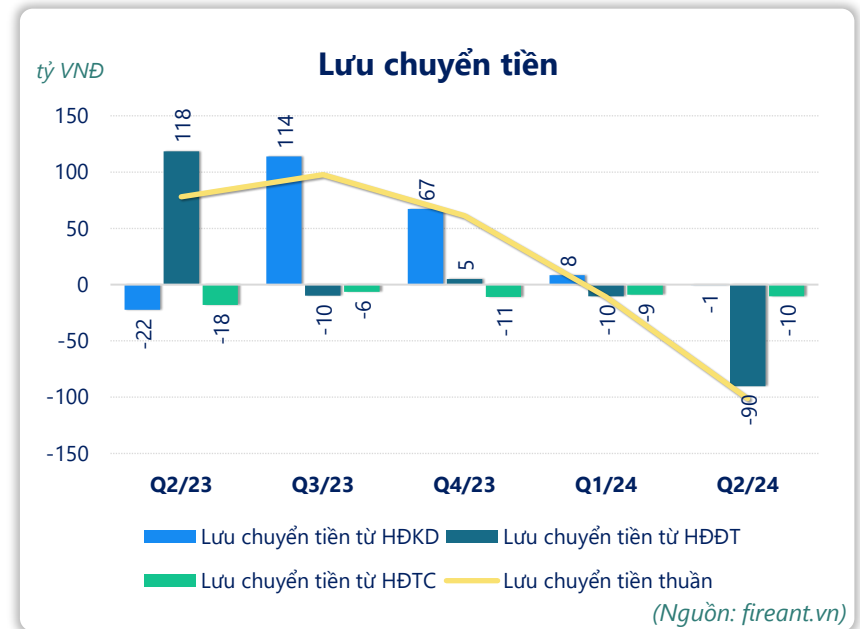
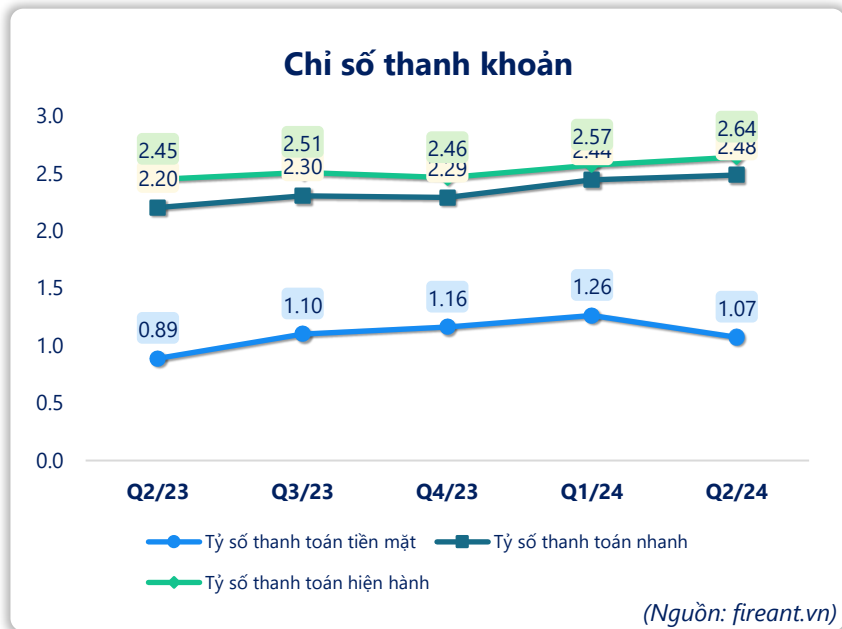
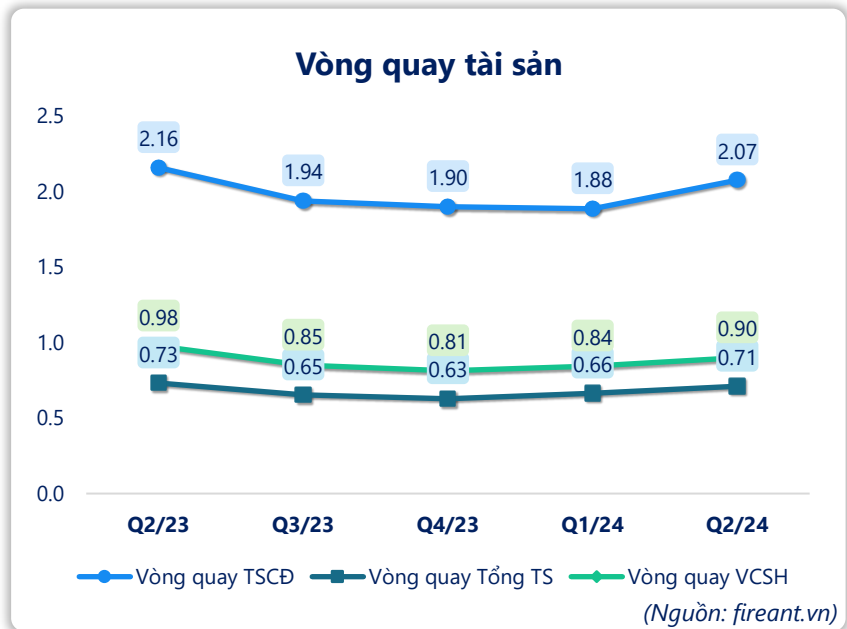
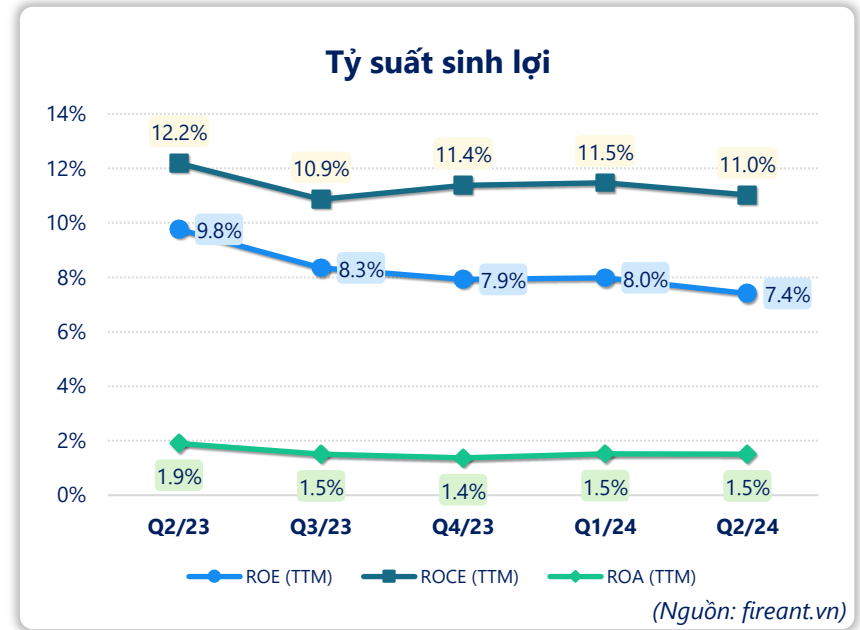
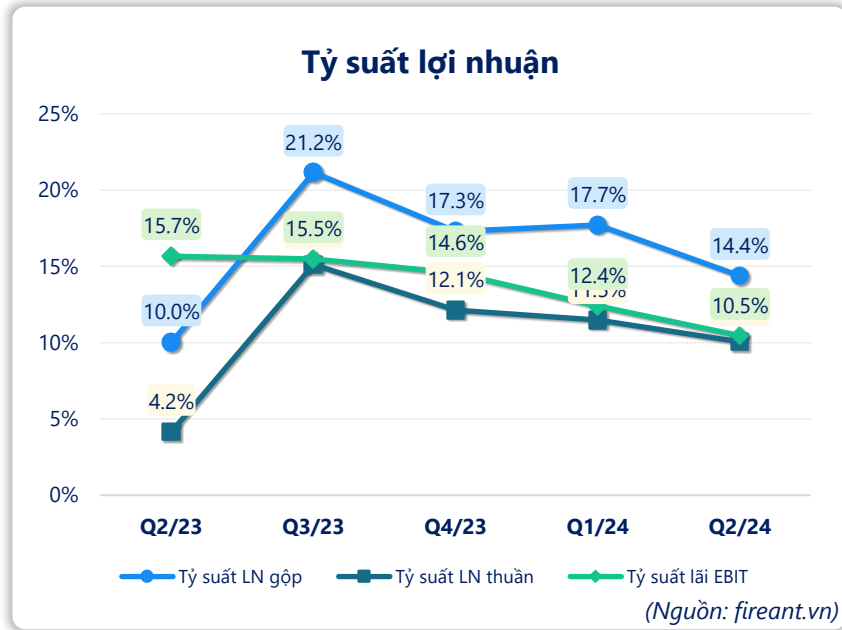
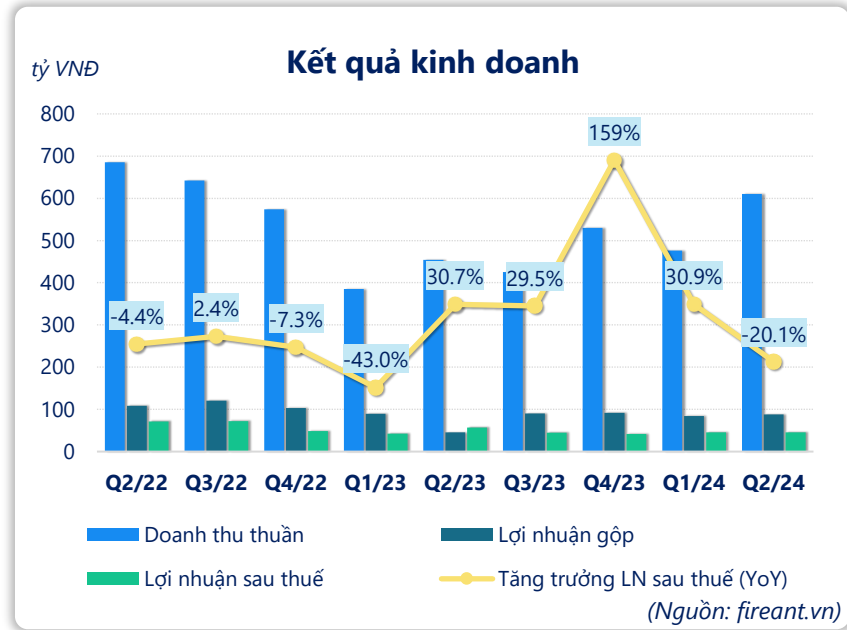


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		45,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		52,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		41,600
SL cổ phiếu LH		98,253,357
KLGD BQ 20 phiên (CP)		360
% sở hữu nước ngoài		30.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,505
P/E		26.8
EPS		1,714

	YTD	1T	3T	6T
STG	-6.2%	2.3%	-5.7%	-6.2%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,934	2,869	2.3%
Tài sản ngắn hạn	1,217	1,171	3.9%
Tiền và tương đương tiền	495	607	-18.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.0	67.9	-5.7%
Phải thu ngắn hạn	569	426	33.4%
Hàng tồn kho	71.7	58.0	23.8%
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	12.1	47.5%
Tài sản dài hạn	1,717	1,697	1.2%
Phải thu dài hạn	4.94	4.43	11.5%
Tài sản cố định	995	983	1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	69.4	79.9	-13.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	577	554	4.2%
Tài sản dài hạn khác	52.0	51.8	0.4%
Lợi thế thương mại	18.6	23.7	-21.6%
Nợ phải trả	591	614	-3.7%
Nợ ngắn hạn	461	481	-4.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.6	34.3	-2.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	106	122	-12.9%
Nợ dài hạn	130	133	-2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	89.6	89.9	-0.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,343	2,255	3.9%
Vốn chủ sở hữu	2,343	2,255	3.9%
Vốn điều lệ	983	983	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	454	425	530	476	610
Giá vốn hàng bán	408	335	439	391	523
Lợi nhuận gộp	45.5	90.0	91.8	84.3	87.8
Doanh thu HĐTC	5.66	8.67	6.81	3.51	8.32
Chi phí TC	4.64	5.27	4.30	2.54	4.01
Chi phí lãi vay	4.10	2.92	4.01	2.32	3.64
LN trong công ty LKLD	19.9	22.6	21.0	19.1	21.4
Chi phí bán hàng	18.7	20.3	17.0	18.3	20.2
Chi phí QLDN	28.9	31.4	34.0	31.5	31.9
LN thuần từ HĐKD	18.9	64.3	64.3	54.6	61.4
Lợi nhuận khác	48.1	-1.36	8.91	2.05	-1.22
LN trước thuế	67.0	62.9	73.2	56.7	60.2
Lợi nhuận sau thuế	56.6	45.0	41.6	45.7	45.9
LNST của CĐ cty mẹ	53.4	42.6	39.3	43.1	43.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-22.3	114	67.2	8.36	-0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	118	-9.88	4.88	-10.3	-90.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.2	-6.32	-10.9	-8.92	-10.5
Tiền đầu kỳ	337	415	512	607	596
Lưu chuyển tiền thuần	77.9	97.7	61.1	-10.9	-101
Ảnh hưởng tỷ giá	0.12	-0.35	0.09	0.21	-0.21
Tiền cuối kỳ	415	512	573	596	495

(Nguồn: fireant.vn)